

Bản án số: 80/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2022

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm: 1974; địa chỉ cư trú: ấp BT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy Th, sinh năm: 1965; địa chỉ cư trú: ấp BT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại cổ phần ST (ST); địa chỉ trụ sở chính: Số 266 – 268 NKKN, p 8, Q 3, thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp của ST:

- Bà Nguyễn Đức Thạch D (Tổng Giám đốc ST) là người đại diện theo pháp luật của ST; vắng mặt.

- Ông Phạm Thái B (Giám đốc ST – CNKG), là người đại diện theo ủy quyền của ST theo Thông báo về việc tham gia tố tụng số 79/2022/TB/CNKG ngày 10 tháng 5 năm 2022; vắng mặt.

- Ông Lê Tấn T1 (Phó Phòng giao dịch ST CNHĐ), là người đại diện theo ủy quyền của ST theo Giấy ủy quyền về việc tham gia tố tụng số 63/GUQ-CNKG ngày 12 tháng 5 năm 2022; vắng mặt.

4. *Người tham gia tố tụng khác:* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị H: Luật sư Lê Thị Hồng Nh là Luật sư của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên PL thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Võ Thị H trình bày:

Bà và chồng là ông Nguyễn Huy Th kết hôn từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG vào ngày 28/9/2018. Quá trình chung sống lúc đầu rất hạnh phúc, thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Th thường xuyên nghiện rượu, không lo làm ăn, hay ghen tuông, không chế sự tự do của bà. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Quá trình chung sống ông bà có hai đứa con chung tên là Nguyễn Anh Th1 sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Yến O sinh năm 1999, các con đã trưởng thành, tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ST – Chi nhánh Hòn Đất số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng.

Do không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Th, các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản vợ chồng bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ, vợ chồng bà và ST tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Nguyễn Huy Th trình bày:

Vợ chồng ông cưới nhau từ năm 1994, có đăng ký kết hôn vào năm 2018. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Vợ ông đã bỏ nhà ra đi vào ngày 21/9/2021 âm lịch cho đến nay. Nay ông đã biết mình sai, mong vợ ông tha thứ, vì ông còn rất thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông, bà có hai đứa con chung là Nguyễn Anh Th1 sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Yến O sinh năm 1999, các con đã trưởng thành, tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần ST – Chi nhánh Hòn Đất số tiền

vốn gốc là 300.000.000 đồng. Ông chịu trách nhiệm trả khoản nợ này.

Ông Th có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 27/6/2022.

Tại Thông báo về việc tham gia tố tụng số 79/2022TB/CNKG ngày 10/5/2022, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần STh trình bày:

Ông Nguyễn Huy Th và bà Võ Thị H có vay vốn tại ST theo Hợp đồng cho vay số LD1827400099 ký ngày 01/10/2018. Theo Giấy nhận nợ số LD2028300160 ký ngày 29/09/2021 số tiền vay vốn gốc 300.000.000 đồng, thời điểm trả hết nợ: 29/09/2022, lãi suất: 10.9 % năm. Tổng dư nợ tính đến ngày 13/05/2022 là 300.000.000 đồng

Tài sản đảm bảo nợ vay là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp BT, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG, loại đất trồng lúa, diện tích 8.229,4m², thửa đất số: 03a tờ bản đồ số: 04, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành số AK968395, số vào sổ cấp GCN BS00284 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 11/11/2008. Quyền sử dụng đất này được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 7511857.1.1 ngày 01/10/2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HĐ ngày 01/10/2018.

Hiện tại khoản vay của ông Th và bà H chưa đến thời hạn thanh toán. Việc ông Th và bà H thỏa thuận khoản nợ Ngân hàng do một mình ông Th có trách nhiệm thanh toán là ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên Ngân hàng không đồng ý. Tuy nhiên, do ông Th và bà H chưa vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng ký kết với Ngân hàng nên Ngân hàng không tranh chấp, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Trường hợp, ông Th và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị H là Luật sư Luật sư Lê Thị Hồng Nh trình bày: Giữa bà Võ Thị H và ông Nguyễn Huy Th có nhiều mâu thuẫn, gia đình đã động viên hàn gắn nhưng bà H cương quyết ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Th. Về con chung, các con của bà H, ông Th đã lớn tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ. Về tài sản, ông Th và bà H thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ nợ, yêu cầu HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của ông Th chịu trách nhiệm trả cho ST số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Huy Th, giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Ông Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp BT, xã BS, huyện HD, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lê Tấn T1 là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần ST, ông Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Bà H và ông Th kết hôn ngày 28/9/2018 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BS, huyện HD, tỉnh KG nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Bà H xác định mâu thuẫn giữa ông, bà đã kéo dài đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài. Ông, bà đã sống ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Ông Th xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn. Tuy ông Th không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được giải pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy, ông, bà đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 10/2021. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Th là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Ông, bà có hai đứa con chung tên là Nguyễn Anh Th1 sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Yên O sinh năm 1999, các cháu đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Về chia tài sản: Ông Th, bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ: Bà H, ông Th và người đại diện hợp pháp của ST xác định ông Th, bà H còn nợ ST số tiền vay vốn gốc là 300.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay số LD1827400099 ký ngày 01/10/2018. Tài sản thế chấp là diện tích 8.229,4m²,

thửa đất số: 03a tờ bản đồ số: 04, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành số AK968395, số vào sổ cấp GCN BS00284 do Ủy ban nhân dân huyện Hòn Đất cấp ngày 11/11/2008.

Ông Th có ý kiến tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung nhưng không được sự đồng ý của ST. Tuy nhiên, do ST không có yêu cầu độc lập trong vụ án này nên HĐXX không xem xét. Trường hợp, các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện độc lập trong vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị H và được ly hôn với ông Nguyễn Huy Th.

2. Về nuôi con: Ông, bà có hai người con chung tên là Nguyễn Anh Th1 sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Yến O sinh năm 1999. Các cháu đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

3. Về án phí: Bà H phải bồi án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001669 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Cẩm Tú